

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30/6/2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Tấn Ba.

2. Ông Nguyễn Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 17/6/2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị H, sinh năm 1987; cư trú tại: Đội X, xóm Q, thôn Q1, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh Ch, sinh năm 1979; cư trú tại: Đội X, xóm Q, thôn Q1, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Chị Phan Thị H (sau đây viết tắt là chị Hiền) trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Trần Thanh Ch (sau đây viết tắt là anh Ch) tự nguyện tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 24/2018, ngày 02/3/2018. Sau khi kết hôn, chị vào Thành phố H sinh sống, làm việc, còn anh Ch sinh sống tại xã B, huyện T nên vợ chồng không chung sống với nhau đã hơn 03 năm, không liên lạc và cũng không quan tâm chăm sóc cho nhau. Vì vợ chồng không sống chung với nhau nên không có tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc, không có sự quan tâm, chia sẻ, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Chị và anh Ch không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là Anh Trần Thanh Ch đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa làm việc và cũng không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, anh Ch vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với anh Ch vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ch là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị H và anh Ch xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung với nhau, vi phạm các quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét; án phí: Buộc chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn là anh Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2018, ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của chị H, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị H và anh Ch xác lập quan hệ vợ chồng với nhau trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị H và anh Ch là hợp pháp.

[2.1] Chị H trình bày sau khi kết hôn vào năm 2018 cho đến nay vợ chồng không sống chung, không liên lạc, không quan tâm chăm sóc cho nhau.

[2.2] Anh Ch không có ý kiến trình bày hay phản đối các tình tiết, sự kiện mà chị H đã nêu về nguyên nhân, quá trình phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như các vấn đề khác nên theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết, sự kiện mà chị H đưa ra không phải chứng minh. Ngoài ra, anh Ch không đến Tòa án để làm việc, không tham gia hòa giải thể hiện anh không quan tâm, không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh Ch là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày giữa chị và anh Ch không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chị Phan Thị H được ly hôn Anh Trần Thanh Ch.
2. Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu số tiền chị H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002470, ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.
3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Đô

**CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Ba Nguyễn Văn Thạch

Nguyễn Văn Đô

